

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GREEN STAR HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GREEN STAR HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GREEN STAR HA NOI INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GREEN STAR HNI .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108711697

3. Ngày thành lập: 22/04/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 286 đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.3668 6823

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Doanh nghiệp bán buôn thuốc - Đại lý bán buôn vắc xin, sinh phẩm y tế - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da; dụng cụ y tế; nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; hàng gốm, sứ, thủy tinh; đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, dụng cụ thể dục, thể thao; đồ dùng khác cho gia đình	4649(Chính)
2.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện	4659
3.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Cơ sở bán lẻ thuốc - Bán lẻ thiết bị, dụng cụ y tế, nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh (trừ loại Nhà nước cấm)	4772

4.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
5.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế	7912
6.	Đại lý du lịch	7911
7.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
8.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
9.	Cơ sở lưu trú khác	5590
10.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp suất ăn theo hợp đồng (trừ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không)	5629
11.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
12.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
13.	Giáo dục nhà trẻ	8511
14.	Giáo dục mẫu giáo	8512
15.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
16.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
17.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	8710
18.	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên	9103
19.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
20.	Xây dựng nhà để ở	4101
21.	Xây dựng nhà không để ở	4102
22.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
23.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
24.	Xây dựng công trình điện	4221
25.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222

26.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
27.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
28.	Xây dựng công trình thủy	4291
29.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
30.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
31.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
32.	Phá dỡ	4311
33.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
34.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
35.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
36.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Lắp đặt thang máy, thang cuốn, cửa cuốn, cửa tự động, dây dẫn chống sét, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung	4329
37.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
38.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
39.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
40.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
41.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới, tư vấn, quản lý, sàn giao dịch bất động sản Dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư	6820
42.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển - Đại lý bán vé máy bay - Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu (Không bao gồm dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải đường không)	5229
44.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

45.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa; (không bao gồm: đại lý chứng khoán, bảo hiểm, môi giới tài chính, chứng khoán, bảo hiểm, hoạt động đấu giá)	4610
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 2.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ HOÀNG VIỆT	Số 139 Phùng Hưng, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	034076000239	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000		
2	KHUẤT QUANG ANH	Thôn Ấp Cù, Xã Xuân Thái, Huyện Như Thanh, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	038092006326	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000		
3	NGÔ THỊ NHUNG	P1A-N12-TT BTL, Phường Chương Dương, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	027161000015	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000		
4	NGUYỄN THỊ LÂM	Số 6, ngách 10, ngõ Mai Hương, Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	034170002765	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000		

5	PHẠM XUÂN DƯƠNG	Thôn Đầu Vai, Xã Minh Quang, Huyện Tam Đảo, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	040084001045	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000		
6	ĐÀO ĐÌNH KHÔI	Số 286 đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	012414937	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000		
7	LÊ THANH TÙNG	Căn hộ 2316 Nhà HH2B Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	B7347616	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000		
8	QUÁCH THỊ TRI	1908 / 789C Phú Mỹ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	038174003891	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000		
9	PHẠM THỊ HÀ	71 TT4 Khu đô thị Mỹ Đình Mễ Trì, Tổ dân phố số 4, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	034174006924	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000		
10	PHÙNG VĂN HƯỞNG	Thôn Động Giã, Xã Đỗ Động, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	C6932651	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ HOÀNG VIỆT**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *15/01/1976*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *034076000239*

Ngày cấp: *16/11/2017*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 139 Phùng Hưng, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Căn hộ 2202 Nhà E, Chung cư Mullberry Lane Khu đô thị Mỗ Lao, Phường Mỗ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*